

Đơn vị : CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ : Số 7/20 ĐT 743, KP Bình Đáng, Bình Hoà, TX.Thuận An – Bình Dương

Mã số thuế : 3700785006

-----* * * * *-----



**TAN CANG
SONG THAN ICD**

QUALITY IS GOLD, CUSTOMERS ARE FRIENDS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 - NĂM 2020

* Gồm các biểu:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106,102,454,740	111,936,533,843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37,968,207,511	37,329,578,979
1. Tiền	111		32,268,207,511	31,629,578,979
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,700,000,000	5,700,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67,263,655,607	71,919,652,047
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	48,126,122,603	50,913,333,102
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	102,350,600	2,902,959,121
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20,321,140,163	19,389,317,583
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1,285,957,759)	(1,285,957,759)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141	V.5	-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		870,591,622	2,687,302,817
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		870,591,622	2,687,302,817
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		416,299,702,936	398,626,358,800
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50,870,532,903	50,870,532,903
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.8	50,870,532,903	50,870,532,903
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		273,287,951,078	282,866,561,830
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	273,009,173,303	282,514,617,388
<i>Nguyên giá</i>	222		435,322,702,900	435,322,702,900
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(162,313,529,597)	(152,808,085,512)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	278,777,775	351,944,442
<i>Nguyên giá</i>	228		5,251,521,818	5,251,521,818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,972,744,043)	(4,899,577,376)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	66,000,000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		66,000,000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18,847,773,081	18,847,773,081
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	12,391,312,981	12,391,312,981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	6,456,460,100	6,456,460,100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		73,227,445,874	46,041,490,986
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	73,227,445,874	46,041,490,986
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		522,402,157,676	510,562,892,643

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		342,764,380,137	338,670,761,992
I. Nợ ngắn hạn	310		127,639,391,502	128,696,373,810
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	66,657,571,150	36,643,534,640
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	1,864,193,372	1,676,373,611
4. Phải trả người lao động	314	V.19	6,616,700,911	9,888,394,685
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	19,526,033,919	36,937,467,592
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	110,250,000	365,379,300
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22	11,402,893,497	12,915,255,470
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23	19,317,367,804	29,464,420,804
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	2,144,380,849	805,547,708
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		215,124,988,635	209,974,388,182
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.25	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.26	107,066,297,277	107,691,297,276
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.27	108,058,691,358	102,283,090,906
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		179,637,777,539	171,892,130,651
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	179,637,777,539	171,892,130,651
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120,086,720,000	120,086,720,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120,086,720,000	120,086,720,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14,058,130,162	12,828,189,949
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45,492,927,377	38,977,220,702
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36,268,375,780	38,977,220,702
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9,224,551,597	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		522,402,157,676	510,562,892,643

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hương

Bình Dương, ngày ... tháng 04 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

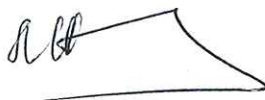
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	75,955,192,128	65,120,742,564	75,955,192,128	65,120,742,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75,955,192,128	65,120,742,564	75,955,192,128	65,120,742,564
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50,073,198,210	40,389,908,982	50,073,198,210	40,389,908,982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25,881,993,918	24,730,833,582	25,881,993,918	24,730,833,582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	63,984,497	149,210,980	63,984,497	149,210,980
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,591,996,093	628,613,742	2,591,996,093	628,613,742
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,591,996,093	628,613,742	2,591,996,093	628,613,742
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	580,800,000	937,203,117	580,800,000	937,203,117
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7,279,654,265	8,834,295,578	7,279,654,265	8,834,295,578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,493,528,057	14,479,932,125	15,493,528,057	14,479,932,125
11. Thu nhập khác	31	VI.7	239,501	85,002	239,501	85,002
12. Chi phí khác	32	VI.8	104,514,897	2	104,514,897	2
13. Lợi nhuận khác	40		(104,275,396)	85,000	(104,275,396)	85,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15,389,252,661	14,480,017,125	15,389,252,661	14,480,017,125
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3,089,850,532	2,908,003,425	3,089,850,532	2,908,003,425
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,299,402,129	11,572,013,700	12,299,402,129	11,572,013,700
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		871	819	871	819

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Hương

Bình Dương, ngày ... tháng 04 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÔNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước (*)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		89,163,196,291	81,298,077,895
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50,100,086,274)	(43,990,080,772)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12,231,395,326)	(13,179,419,219)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2,757,535,261)	(697,263,458)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(2,511,456,868)	(3,689,519,152)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12,273,993,409	14,391,786,016
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(15,174,235,292)	(20,328,400,735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18,662,480,679	13,805,180,575
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13,723,770,671)	(110,006,234,950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		71,371,072	222,426,096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13,652,399,599)	(109,783,808,854)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền thu từ đi vay	33		5,775,600,452	95,451,380,696
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10,147,053,000)	(4,858,436,664)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(4,371,452,548)</u>	<u>90,592,944,032</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		638,628,532	(5,385,684,247)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	37,329,578,979	40,177,762,653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>37,968,207,511</u>	<u>34,792,078,406</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày tháng 04 năm 2020

Giám đốc





Nguyễn Thành Sơn

Nguyễn Việt Hà

Nguyễn Thị Minh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ lưu giữ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ kiểm điểm; dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu; dịch vụ xuất nhập khẩu uỷ thác; dịch vụ khai thuê hải quan (chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ Quy định về điều kiện và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan);
- Dịch vụ phân phối hàng nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Sửa chữa container, Vệ sinh container; Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	Đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải, kho bãi	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Số 101 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý hải quan, kho bãi và lưu trữ hàng hóa	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 161 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 164 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.025.521.663	1.555.542.213
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.242.685.848	30.074.036.766
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	5.700.000.000	5.700.000.000
Cộng	<u>37.968.207.511</u>	<u>37.329.578.979</u>

⁽ⁱ⁾ Tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng theo Hợp đồng tiền gửi số 9/HDD2017-VCBBD ngày 18 tháng 01 năm 2017 có giá trị là 5.700.000.000 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh V.17).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>12.391.312.981</i>			<i>12.391.312.981</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương ⁽ⁱ⁾	11.440.000.000			11.440.000.000		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Maruzen Unithai Logistics Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	951.312.981		951.312.981	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.456.460.100		6.456.460.100	12.122.937.400
Ngân hàng TMCP Quân đội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.456.460.100		6.456.460.100	12.122.937.400
Cộng	18.847.773.081		18.847.773.081	

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700923658 thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.080.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000038 ngày 16 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam 480.000.000 VND (48.000 cổ phần) tương đương 20% vốn điều lệ. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 951.312.981 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ cam kết góp.
- (iii) Công ty ủy thác cho Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 6.456.460.100 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 613.401 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	3.483.600.332	3.658.872.405
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.633.904.956	3.116.613.498
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	310.931.455	202.295.569
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	36.728.499	88.945.627
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	502.035.422	251.017.711
Phải thu các khách hàng khác	41.158.921.939	43.595.588.292
Công ty TNHH Kimberly - Clark Việt Nam	12.687.368.820	9.781.144.916
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	1.904.907.443	1.118.370.338
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL	3.792.817.112	8.708.533.362

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		
Việt Nam					
Công ty Cổ phần Marico South East Asia		1.432.330.463		1.572.830.892	
Công ty TNHH Quản lý và Đầu tư chi Logitem Việt Nam		2.297.835.540		2.297.835.540	
Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Thương mại Thế giới Huy Hoàng		1.217.796.634		119.963.877	
Công Ty TNHH ITL Bình Dương		3.343.539.415		6.620.196.622	
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam		1.764.614.661		1.672.692.004	
Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Phát Triển Logistics Toàn Cầu Bình Thuận		1.440.988.800		1.440.988.800	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển Logistics Toàn Cầu		1.435.552.637		1.435.552.637	
Các khách hàng khác		9.841.170.414		8.827.479.304	
Cộng		48.126.122.603		50.913.333.102	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn					
		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		<i>102.350.600</i>		<i>2.902.959.121</i>	
Công ty Cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất				2.820.197.121	
Khác		102.350.600		82.762.000	
Cộng		102.350.600		2.902.959.121	
5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác					
5a. Phải thu ngắn hạn khác					
		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	11.051.415.868		12.131.314.340		
- Lãi hợp tác kinh doanh	870.494.173		870.494.173		
- Thu khấu hao hàng năm – Hợp đồng hợp tác kinh doanh kho ⁽ⁱ⁾ bãi ⁽ⁱⁱ⁾	10.180.921.695		11.260.820.167		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	188.323.624		92.730.986		
- Các khoản chi hộ					
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>					
Phải thu nhiên liệu đội cơ giới	46.066.511		62.536.318		
Tạm ứng	1.920.122.584		1.604.024.880		
Phải thu phần thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	2.751.037.593		1.881.662.316		
Ký cược, ký quỹ	531.000.000		688.000.000		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	0		7.386.575		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ	4.067.564.118		4.965.978.363	
Cộng	21.585.607.206		19.389.317.583	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	23.011.532.903		23.011.532.903	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	23.011.532.903		23.011.532.903	
- Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh bãi IDI ⁽ⁱ⁾	2.652.564.284		2.652.564.284	
- Phải thu vốn góp hợp tác kinh doanh kho DHL ⁽ⁱⁱ⁾	20.358.968.619		20.358.968.619	
Phải thu các tổ chức khác	27.859.000.000		27.859.000.000	
Các khoản ký cược, ký quỹ	27.859.000.000		27.859.000.000	
Cộng	50.870.532.903		50.870.532.903	

(i) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 về việc Đầu tư xây dựng và khai thác kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần giữa ba bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng (bên A), Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (bên B) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (bên C). Thời hạn hợp tác là 49 năm kể từ ngày Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn giao cơ sở hạ tầng cho bên A. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp 38.196.978.088 VND, tương đương 35% tổng vốn đầu tư của dự án.

(ii) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2408/IDI-KHKD ngày 24 tháng 8 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và khai thác bãi container tại ICD Tân Cảng Sóng Thần giữa ba bên là Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương. Theo Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10A/PLHĐ-TCIDI ngày 17 tháng 01 năm 2017, thời hạn hợp tác là 10 năm. Khi hết thời hạn hợp tác, nếu Bộ Quốc phòng không có nhu cầu thu hồi đất thì hợp đồng hợp tác kinh doanh tiếp tục được gia hạn để khai thác.

6. Hàng tồn kho

Công ty không có số dư hàng tồn kho.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Huỳnh Hùng Dũng	Từ 1 đến dưới 2 năm	225.200.000	112.600.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phát	Dưới 1 năm	1.440.988.800	1.008.692.160	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
triển Logistics Toàn cầu Bình Thuận Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất khẩu Thương Nguyên Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển Logistics Toàn Cầu	Dưới 1 năm Từ 1 đến dưới 2 năm	77.616.000 1.435.552.637	54.331.200 717.776.318		-	-
Cộng		3.179.357.437	1.893.399.678		-	-
8. Chi phí trả trước dài hạn						
			Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng			65.225.060.163		37.714.684.234	
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp			8.002.385.711		8.326.806.752	
Cộng			73.227.445.874		46.041.490.986	

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	403,930,049,149	11,603,792,091	12,411,227,279	7,377,634,381	435,322,702,900
Mua trong kỳ					
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Thanh lý, nhượng bán					
Số cuối kỳ	403,930,049,149	11,603,792,091	12,411,227,279	7,377,634,381	435,322,702,900
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7,546,797,730	5,376,023,970	5,749,369,160	7,194,561,381	25,866,752,241
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	127,855,980,265	9,429,997,876	8,212,567,292	7,309,540,079	152,808,085,512
Khấu hao trong kỳ	8,907,293,578	346,088,446	237,790,833	14,271,228	9,505,444,085
Số cuối kỳ	136,763,273,843	9,776,086,322	8,450,358,125	7,323,811,307	162,313,529,597
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	276,074,068,884	2,173,794,215	4,198,659,987	68,094,302	282,514,617,388
Số cuối kỳ	267,166,775,306	1,827,705,769	3,960,869,154	53,823,074	273,009,173,303
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 38.259.456.997 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Nam Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.251.521.818	(4.899.577.376)	351.944.442
Tăng do mua sắm trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ		(73.166.667)	(73.166.667)
Giảm khác			
Số cuối kỳ	5.251.521.818	4.972.744.043	278.777.775

Trong đó:

Nguyên giá chương trình phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.369.521.818 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định				
<i>Phần mềm STM</i>		60.000.000	0	60.000.000
Cộng		60.000.000		60.000.000

12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	43.217.684.939	11.786.043.428
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	42.254.522.088	11.544.460.766
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Bình Dương	602.073.855	215.122.662
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	360.297.500	26.460.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	791.496	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	23.439.886.211	24.857.491.212
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	937.273.600	1.094.273.600
Công ty TNHH Thạnh Long	1.042.864.531	2.135.473.228
Công ty TNHH V.A.S	597.923.070	328.527.936
Công ty Cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất	9.649.400.254	
Công Ty Cổ Phần Kho Bãi Trung Thành	624.061.414	568.418.213
Các nhà cung cấp khác	10.588.363.342	20.730.798.235
Cộng	66.657.571.150	36.643.534.640

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.706.095.212	1.341.402.146
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	4.697.095.212	117.676.782
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương - chi phí bốc xếp	9.000.000	1.223.725.364
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	44.073.376.438	800.605.118
Chi phí lãi vay phải trả		165.539.168
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.490.719.061	1.289.153.863
Chi phí xây dựng công trình kho 23 (50.000 m2)	10.329.219.646	34.141.372.415
Cộng	19.526.033.919	36.937.467.592

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Bình Dương – Tiền trả trước về cho thuê tài sản		365.379.300
Công ty CP Cồn Rượu Hà Nội	110.250.000	
Cộng	110.250.000	365.379.300

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	3.885.007.001	6.150.014.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Tân Cảng – Phải trả tiền thu hộ hợp tác kinh doanh	2.265.007.001	4.530.014.002
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.517.886.496	6.764.691.510
Kinh phí công đoàn	279.925.088	256.685.882
Bảo hiểm xã hội	629.250.628	513.294.848
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.508.710.780	5.994.710.780
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	100.000.000	549.958
Cộng	11.402.893.497	12.915.255.470

15b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các tổ chức khác, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Logitem Việt Nam	27.407.600.710	27.407.600.710
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Âu Châu	767.250.000	767.250.000
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	6.420.612.000	6.420.612.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nam	401.917.230	401.917.230

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bình Dương		
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	563.784.000	563.784.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Toàn Thắng	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế Dương Minh	-	-
Công ty TNHH SG Sagawa Express Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.576.800.000	1.576.800.000
Công ty Cổ phần Added – Value	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội	-	-
Công ty TNHH ITL Bình Dương	47.708.333.337	48.333.333.336
Cộng	<u>107.066.297.277</u>	<u>107.691.297.276</u>

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>19.317.367.804</i>	<i>29.464.420.804</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	19.317.367.804	29.464.420.804
Cộng	<u>19.317.367.804</u>	<u>29.464.420.804</u>

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	853.957.891	853.957.891
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	2.859.036.792	2.859.036.792
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	104.345.696.675	98.570.096.223
Cộng	<u>108.058.691.358</u>	<u>102.283.090.906</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số 152.16.203.180916.TD ngày 26 tháng 1 năm 2016 cho vay thanh toán chi phí đầu tư xây dựng đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại số 7/20 đường ĐT743. KP. Bình Đáng. P. Bình Hòa. TX. Thuận An. tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 60 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Hợp đồng cấp tín dụng số 9978.16.130.180916.TD ngày 13 tháng 7 năm 2016 cho vay góp vốn đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần tại địa chỉ số 720 đường ĐT743. khu phố Bình Đáng. phường Bình Hòa. thị xã Thuận An. tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 120 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 002D17 ngày 18 tháng 01 năm 2017 cho vay thanh toán chi phí đầu tư thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng kho 20 mở rộng" tại địa chỉ số 7/20 đường ĐT743. khu phố Bình Đáng. phường Bình Hòa. thị xã Thuận An. tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 60 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 9/HDD2017-VCBBĐ ngày 18 tháng 01 năm 2017.

- (iv) Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 16D18 ngày 27 tháng 12 năm 2018 cho vay vốn đầu tư xây dựng kho 23 tại ICD Tân Cảng Sóng Thần tại địa chỉ số 720 đường DT743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời hạn của khoản vay là 84 tháng với lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
		Tăng khác	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	27.562.797	2.549.859.336	15.000.000	1.922.000.000	670.422.133
Quỹ phúc lợi	544.942.010	2.003.895.905	30.000.000	1.317.922.100	1.260.915.815
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	233.042.901			20.000.000	213.042.901
Cộng	805.547.708	4.553.755.241	45.000.000	3.259.922.100	2.144.380.849

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	120.086.720.000	12.828.189.949	38.977.220.702	171.892.130.651
Lợi nhuận trong kỳ này			12.299.402.129	12.299.402.129
Trích lập các quỹ		1.229.940.213	(5.783.695.454)	(4.553.755.241)
Chia cổ tức				
Thù lao HĐQT, BKS				
Số dư cuối kỳ này	120.086.720.000	14.058.130.162	45.492.927.377	179.637.777.539

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	61.244.230.000	61.244.230.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	43.533.550.000	43.533.550.000
Các cổ đông khác	15.308.940.000	15.308.940.000
Cộng	120.086.720.000	120.086.720.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.008.672	12.008.672
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu phổ thông	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20 đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu phổ thông	12.008.672	12.008.672
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	108,198.81	103.380,75

Lập. ngày tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Việt Hà

Nguyễn Thị Minh Hương



Nguyễn Thành Sơn



